| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án: 569/2025/DS-PT
Ngày 29 – 5 – 2025
V/v: *"Tranh chấp về quyền sử dụng đất".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 664/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1583/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1513/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Thái Sứ H, sinh năm 1951;

Địa chỉ: B V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 232/10-12 V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/10/2014); Địa chỉ: B Đường B, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố H (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

***- Bị đơn:*** Bà Lương Thục M***,*** sinh năm 1962;

Địa chỉ: G T, Khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Thái Hải C, sinh năm 1942; Địa chỉ: D B Houston T 77072 USA (vắng mặt).

2. Ông Thái Hải V, sinh năm 1957; Địa chỉ: H Vista Del Rancho Dr . H, TX 77083 USA (vắng mặt).

3. Bà Thái Mỹ L1, sinh năm 1952; Địa chỉ: A Anson Grove LN S, T, USA (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Hải C, Thái Hải V, Thái Mỹ L1*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 (giấy ủy quyền lập ngày ngày 15/12/2014 đã được Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCNVN tại Hữu-xton, T, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 19/01/2015); Địa chỉ: B Đường B, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

4. Ông Lý Hồng Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt);

5. Ông Lý Hồng T1, sinh năm 1991 (vắng mặt);

6. Ông Lý Chiệu H1, sinh năm 1963 (có mặt);

7. Bà Trần Thùy L2, sinh năm 1991 (vắng mặt);

8. Trẻ Lý Trúc T2, sinh năm 2020;

Người đại diện bà Trần Thùy L2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: G Tỉnh lộ 43 (cũ G T), Khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Thái Sứ H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, đơn xác định yêu cầu khởi kiện, các bản tự khai, tại các buổi hòa giải nguyên đơn bà Thái Sứ H có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn L trình bày:***

Nguồn gốc đất như sau: Khu đất diện tích 6.050 $m^2$ thuộc lô đất địa bộ số 53, bản đồ số 87, tờ 3, xã T và khu đất diện tích 1.050 $m^2$ thuộc lô đất địa bộ số 1253, bản đồ số 88, tờ 3, xã T có nguồn gốc do ông Thái Võ M1 và đứng bộ từ năm 1963. Trước năm 1975, ông Thái V1 ủy quyền cho ông Võ Văn Đ1 quản lý trông coi. Sau năm 1975, gia đình ông Thái V1 có về trực tiếp quản lý hai lô đất, có đóng thuế nông nghiệp cho Nhà nước từ năm 1977 cho đến năm 1983, có làm đơn xin trở về quê quán để sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận chấp thuận năm 1976. Ngày 01/3/1979, ông Thái Võ L3 tờ ủy quyền giữ đất để tiếp tục ủy quyền (không xác định thời hạn ủy quyền), cho ông Võ Văn Đ1 trông nom giữ đất. Quá trình ông Đ1 quản lý trông coi giữ đất thì ông Thái V1 có cho ông Đ1 01 phần đất diện tích khoảng 100 $m^2$. Ngày 19/8/1983, theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Ấ, xã T, ông Thái V1 có làm giấy giao cho UBND ấp Ấ mượn hai lô đất số 87, 88 trong vòng 03 năm có thể liên tục để tùy nghi sử dụng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, với giao ước là khi nào cần ông Thái V1 sẽ thông báo trước 06 tháng để chính quyền địa phương sắp xếp trả lại đất.

Năm 1992, ông Thái Hải C khiếu nại tranh chấp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết buộc người sử dụng đất bất hợp pháp phải trả lại cho ông Thái Võ Q sử đụng đất 02 lô 87, 88 mà trước đây ông Thái V1 cho Ủy ban nhân ấp G mượn đất theo Quyết định số 621/QĐ-ĐC-TTr ngày 24/8/1996 của Sở địa chính Thành phố H. Tại quyết định số 621/QĐ-ĐC-TTr ngày 24/8/1996 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Thái Hải C cũng nhận định: "*...Sau đó UBND xã T giao cho tổ hưu trí của xã một phần trong tổng diện tích đất của ông Thái V1 cho xã mượn để thành lập tổ hợp sản xuất vôi, tổ hợp với liên kết với Công an huyện T để sản xuất, kinh doanh và sau đó giao hẳn cho Công an huyện T quản lý, sử dụng, diện tích đo đạc thực tế là 4.000m$^2$ (một phần thửa 87, phần còn lại dân chiếm)*". Đối với những hộ dân lấn chiếm đất, vì không đo đạc được nên để đó về sau mới tranh chấp.

Trong thời gian UBND ấp Á mượn đất, thì bà Lương Thục M chiếm 01 phần đất tại lô đất số 87, nay đo đạc là 27,1 m$^2$.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lương Thục M thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 27,1m$^2$ với giá trị là 45.004.470 đồng/m$^2$, tổng cộng 1.219.621.137 đồng.

***Tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải bị đơn bà Lương Thục M trình bày:***

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do: Theo bà thì toàn bộ diện tích nhà đất bà đang sử dụng có nguồn gốc là của bà nội của bà là Hà Thị K. Bà nội bà sử dụng tổng diện tích là 1.100m$^2$, sau đó cho lại bà và em trai là Hà Chí T3 mỗi người *2* diện tích. Bà đã ở tại đó từ năm 1976 và đã đóng thuế, kê khai nhà đất đầy đủ, không lấn chiếm của ai.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Lý Hồng Đ, Lý Hồng T1, Lý Chiệu H1, Trần Thùy L2***: thống nhất với trình bày của bị đơn bà Lương Thục M.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Thái Hải C, Thái Hải V, Thái M có ông Nguyễn Văn L làm đại diện:*** đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải ngày 13/6/2023, các đương sự thống nhất như sau:

Đồng ý bản vẽ hiện trạng tranh chấp, kết quả thẩm định chỗ, không yêu cầu định giá lại giá trị nhà đất tranh chấp.

Các nội dung không thống nhất được tại phiên hòa giải ngày 13/6/2023:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lương Thục M thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 27,1m$^2$ với giá trị là 45.004.470 đồng/m$^2$, tổng cộng 1.219.621.137 đồng.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1583/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 1, khoản 2 Điều 34; Điều 37; Điều 38; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 17; Điều 26, 166 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Sứ H về việc "yêu cầu bà Lương Thục M thanh toán 1.219.621.137 đồng, là giá trị quyền sử dụng 27,1 $m^2$ đất tại xã T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh".

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.*

Ngày 14/9/2023, nguyên đơn bà Thái Sứ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; buộc bà Lương Thục M và các thành viên trong gia đình của bà M đang ở tại thửa đất tranh chấp phải thanh toán lại cho bà H, ông Thái Hải C, bà Thái Mỹ L1, ông Thái Hải V giá trị quyền sử dụng đất nêu trên theo kết quả thẩm định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Sứ H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thái Sứ H cho rằng, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là chưa đánh giá hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự nộp, theo bản chứng thực sao y bản chính số 786/VP/XTB/BS ngày 27/02/1976 sao y bản chính của Đơn xin trở về quê quán của ông Thái V1, được xác nhận ngày 18/02/1976, có nội dung: "Chấp thuận cho phép gia đình anh Thái V1 được trở về Xã T canh tác sản xuất trên hai phần đất của anh.". Như vậy, Công văn của UBND Phường T và Công văn của UBND Quận T phúc đáp cho Tòa án cấp sơ thẩm về nguồn gốc của diện tích đất tranh chấp 27,1$m^2$ là do gia đình của bị đơn sử dụng trước năm 1975 là không đúng.

Mặc khác, tại bản đồ xác định ranh số 9531/ĐĐBĐ ngày 04/02/1993 do Đoàn Đo đạc Bản đồ Thành phố H lập đối với lô đất thuộc địa bộ số 53, bản đồ số 87, tờ 3, T, thuộc Xã T, Huyện T, thì bên ngoài của phần đất 4.060 $m^2$ là T4 xây, nay nhìn về hướng phần đất đang tranh chấp với bà M (một phần thửa đất 23 tờ 11 Phường T) thì tại 27,1$m^2$ đất tranh chấp này là thấy nằm trong lô đất bản đồ số 87. Trên đơn từ ban đầu, và trong Phiếu biên nhận đơn có ghi ông Thái Hải C khiếu nại xin lại 02 lô đất số 87 – 88. Nhưng đến khi có kết quả đo đạc xong, thì Cán bộ Thanh tra Sở T5 trường Thành phố H mới làm biên bản tiếp xúc xác định hiện tại ông C khiếu nại đối với đất 4.060 $m^2$, còn đất do dân đã ở (và có chỗ còn là đất trống trên Bản đồ xác định ranh nêu trên có thể hiện) thì không khiếu nại là vào thời gian của hiện tại lúc bấy giờ, tức là chưa có khiếu nại đối với người dân lấn chiếm đất. Chứ không thể nhận định như phiên tòa sơ

thẩm là biên bản ngày 06/12/1994 có nội dung ông C nói hiện tại của năm 1994 thì không khiếu nại, như trên nên đến nay Tòa án cấp sơ thẩm lấy lý do đó để nhận định cho kết quả xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không đúng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Thái Sứ H, sửa bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Sứ H về việc "yêu cầu bà Lương Thục M thanh toán 1.219.621.137 đồng, là giá trị quyền sử dụng 27,1 $m^2$ đất tại xã T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Thái Sứ H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Sứ H đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, yêu cầu trả lại giá trị quyền sử dụng đất và đất tranh chấp đã được hòa giải ở cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "tranh chấp về quyền sử dụng đất". Vụ án có đương sự hiện đang cư ngụ tại Hoa Kỳ, căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013, thì vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện, trong đó có trường hợp "tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai".

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý Hồng Đ, Lý Hồng T1, Lý Chiệu H1, Trần Thùy L2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn lấn chiếm diện tích 27,1m$^2$ của gia đình nguyên đơn có nguồn gốc từ cha nguyên đơn để lại trong tổng số 2.099m$^2$ đất thuộc một phần của lộ 87 xã T (nay là phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), và yêu cầu bị đơn trả lại phần giá trị đất là 45.004.470 đồng/m$^2$ x 27,1m$^2$ = 1.219.621.137 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của nguyên đơn trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và tại phiên tòa cho thấy: Năm 1963, cha của nguyên đơn là ông Thái V1 mua 6.050 m2 thuộc tờ bản đồ số 87, xã T (nay thuộc phường T, Thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh). Trước năm 1975 ông Thái Võ N ông Võ Văn Đ1 quản lý trông coi, sau năm 1975 gia đình ông V1 về trực tiếp quản lý khu đất, có đóng thuế nông nghiệp cho Nhà nước từ năm 1977 đến năm 1983. Ngày 19/8/1983, theo yêu cầu của UBND ấp Ấ, xã T, ông Thái V1 làm văn bản cho UBND ấp Ấ mượn toàn bộ 02 lô đất trong vòng 03 năm, tùy nghi sử dụng nhưng không được xây cất bằng vật liệu nặng, có xác nhận của UBND xã T, với giao kết là khi nào cần ông Thái V1 sẽ thông báo trước 06 tháng để chính quyền địa phương sắp xếp trả lại. Sau đó, UBND xã T giao cho tổ hưu trí của xã 1 phần trong tổng diện tích đất ông Thái V1 cho xã mượn để thành lập tổ hợp sản xuất Vôi, Tổ hợp Vôi liên kết với Công an huyện T để sản xuất, kinh doanh và sau đó giao hẳn cho Công an huyện T quản lý sử dụng, diện tích đo đạc thực 4.600 m$^2$ (một phần của lộ 87, phần còn lại dân lấn chiếm). Sau khi ông Thái Võ C1 (khoảng năm 1991-1992), ông Thái Hải C đại diện gia đình ông Thái V1 khiếu nại đòi lại phần đất nêu trên. Tại quyết định số 621/QĐ-ĐC-TTr ngày 24/8/1996 Sở địa chính Thành phố H đã bác đơn khiếu nại của ông Thái Hải C về việc xin được sử dụng khu đất có diện tích 4.060m$^2$, ông Thái Hải C được bồi hoàn giá trị 4.060 m$^2$ đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Gia đình nguyên đơn đã nhận tiền bồi hoàn giá trị đối với 4.060 m$^2$ đất nêu trên theo quyết định số 4381/QĐ-UBND ngày 06/8/2013 của UBND Quận T. Như vậy, phần đất do nguyên đơn khởi kiện bị đơn đã được cha của nguyên đơn giao hợp pháp cho UBND ấp Ấ, xã T, đến thời điểm hiện nay UBND xã T chưa có văn bản xác định: phần đất do bị đơn sử dụng có nguồn gốc lấn chiếm từ UBND ấp Ấ, xã T.

Mặt khác, căn cứ công văn số 165/UBND ngày 04/4/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Vị trí nhà đất tranh chấp thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 11 (Tài liệu BĐĐC năm 2003) có nguồn gốc do ông bà Lý Tất X – Từ Thị L4 sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1991 cho lại ông bà Lý Chiêu H2 – Lương Thục M sử dụng cho đến nay. Bà Lương Thục M có kê khai, đóng thuế phi nông nghiệp từ năm 2012 đến nay. Như vậy, phần đất tranh chấp đã được chính quyền địa phương xác nhận gia đình bị đơn sử dụng từ trước khi gia đình nguyên đơn cho UBND ấp Ấ, xã T mượn.

Đồng thời, theo thông tin khu đất theo số địa bộ tại công văn số 10725/VPĐK-KT ngày 17/8/2012 gửi cho bà Tại M2, thể hiện trước 1975 ông Thái Hải V sử dụng diện tích 1.973 m$^2$, loại đất HGĐB; theo tài liệu địa chính năm 2003 thể hiện Công ty hóa chất Thành phố H (là Công ty sử dụng đất của gia đình nguyên đơn sau cùng) sử dụng diện tích 11.662,7m$^2$ loại đất xây dựng thuộc thửa số 31, tờ 10, phường T; còn hộ bà Lương Thục M sử dụng diện tích 288.4m$^2$ thuộc thửa 23 tờ 11, phường T, diện tích bị đơn bà M sử dụng khớp với diện tích bà M

đóng thuế và sử dụng đến nay.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn chiếm đất của gia đình nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đóng thuế đất hàng năm đối với diện tích đất tranh chấp, không chứng minh được thửa đất gia đình nguyên đơn cho Ủy ban ấp G mượn chính là thửa đất đang tranh chấp.

[3] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Thái Sứ H kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Thái Sứ H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H được miễn tiền án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Sứ H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1583/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 1, khoản 2 Điều 34; Điều 37; Điều 38; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 17; Điều 26, 166 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Sứ H về việc "yêu cầu bà Lương Thục M thanh toán 1.219.621.137 đồng, là giá trị quyền sử dụng 27,1m$^2$ đất tại xã T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh".

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thái Sứ H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh 1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- Đương sự (5);
- Lưu VP (6). HS (2). T20 (BA-36).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thành Long**